

thành phố trực thuộc Trung ương và quyết định thành lập doanh nghiệp có quy định khác với Điều lệ này thì được hiểu theo Điều lệ này.

Điều 29.- Các đơn vị thành viên Tổng công ty Xi măng Việt Nam căn cứ vào Điều lệ của Tổng công ty để xây dựng Điều lệ Tổ chức và hoạt động của mình trình Hội đồng Quản lý phê duyệt. Điều lệ của đơn vị thành viên không được trái với Điều lệ Tổng công ty.

Điều 30.- Trong quá trình thực hiện, Tổng công ty Xi măng Việt Nam cần tổng kết kinh nghiệm về các mặt hoạt động để kiến nghị Chính phủ phê duyệt những Điều cần thiết phải sửa đổi, bổ sung trong Điều lệ này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIẾT

PHỤ LỤC

(kèm theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Xi măng Việt Nam)

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN
CỦA TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
tại thời điểm thành lập Tổng công ty

I. CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HẠCH TOÁN ĐỘC LẬP:

1. Công ty Xi măng Hoàng Thạch,
2. Công ty Xi măng Hải Phòng,
3. Công ty Xi măng Bim Sơn,
4. Công ty Xi măng Hà Tiên I,
5. Công ty Xi măng Hà Tiên II,
6. Công ty Tám lợp vật liệu xây dựng Đồng Nai,
7. Công ty Xi măng - vật liệu xây dựng Đà Nẵng,
8. Công ty Kinh doanh thạch cao - xi măng,
9. Công ty Vật tư vận tải xi măng,
10. Công ty Xây lắp xi măng,
11. Công ty Xuất nhập khẩu xi măng,

12. Công ty Tư vấn đầu tư phát triển xi măng,
13. Công ty Tài chính xi măng.

II. CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC (chưa có)

III. CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP:

1. Trung tâm Đào tạo kỹ thuật xi măng.

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
19-CP ngày 16-2-1995 về việc
thành lập Bảo hiểm xã hội Việt
Nam.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Điều 150 Bộ Luật Lao động;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay thành lập Bảo hiểm xã hội Việt Nam trên cơ sở thống nhất các tổ chức Bảo hiểm xã hội hiện nay ở Trung ương và địa phương thuộc hệ thống Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo công tác quản lý quỹ Bảo hiểm xã hội và thực hiện các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội theo pháp luật của Nhà nước.

Điều 2.- Bảo hiểm xã hội Việt Nam có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập và được Nhà nước bảo hộ, có con dấu riêng, có tài khoản, có trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội.

Quỹ Bảo hiểm xã hội được quản lý thống nhất theo chế độ tài chính của Nhà nước.

Điều 3.- Bảo hiểm xã hội Việt Nam có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

1. Tổ chức thực hiện việc thu bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ, bao gồm các nguồn thu sau:

- a) Người sử dụng lao động đóng bằng 15% so với tổng quỹ tiền lương;
- b) Người lao động đóng bằng 5% tiền lương;
- c) Nhà nước đóng và hỗ trợ thêm để bảo đảm thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động;
- d) Các nguồn thu khác.

2. Quản lý quỹ Bảo hiểm xã hội và tổ chức việc chi trả cho người lao động tham gia bảo hiểm xã hội các khoản trợ cấp về bảo hiểm xã hội đầy đủ, thuận tiện và đúng thời hạn theo quy định tại các Điều 142, 143, 144, 145, 146 Bộ Luật Lao động.

3. Có quyền từ chối việc chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội cho các đối tượng được hưởng bảo hiểm xã hội khi có kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hành vi man trá, làm giả hồ sơ, tài liệu; đồng thời ra văn bản thông báo việc từ chối chi trả đó cho đương sự, cơ quan sử dụng lao động và cơ quan pháp luật.

4. Bồi thường mọi khoản thu, chi sai các quy định của Nhà nước về bảo hiểm xã hội cho các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

5. Xây dựng và tổ chức thực hiện các dự án và biện pháp để bảo tồn giá trị và tăng trưởng quỹ Bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ.

6. Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về định mức chi phí quản lý; định mức lệ phí thu chi quỹ Bảo hiểm xã hội và các quy định khác có liên quan đến hoạt động bảo hiểm xã hội và tổ chức thực hiện.

7. Kiến nghị với Chính phủ và các cơ quan Nhà nước có liên quan việc sửa đổi, bổ sung các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội phù hợp với tình hình của đất nước trong từng giai đoạn.

8. Tổ chức thực hiện công tác thống kê, hạch toán, kế toán; hướng dẫn nghiệp vụ thu, chi bảo hiểm xã hội và kiểm tra việc thực hiện. Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, giải thích các chế độ, chính sách về bảo hiểm xã hội.

9. Kiểm tra việc thực hiện các chế độ thu, chi bảo hiểm xã hội.

10. Giải quyết kịp thời các khiếu nại của người tham gia bảo hiểm xã hội về việc thực hiện các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội.

11. Thực hiện việc hợp tác quốc tế về sự nghiệp bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ.

12. Quản lý tổ chức, viên chức và cơ sở vật chất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy định của Nhà nước.

Điều 4.- Bảo hiểm xã hội Việt Nam đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ; sự quản lý Nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan, sự giám sát của tổ chức Công đoàn.

Về kinh phí hoạt động của bộ máy Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam thống nhất với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trong một văn bản riêng.

Điều 5.- Thành lập Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam là cơ quan quản lý cao nhất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau: chỉ đạo và giám sát, kiểm tra việc thu, chi, quản lý quỹ; quyết định các biện pháp để bảo tồn giá trị và tăng trưởng quỹ Bảo hiểm xã hội; thẩm tra quyết toán và thông qua dự toán hàng năm; kiến nghị với Chính phủ và các cơ quan Nhà nước có liên quan bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội; giải quyết các khiếu nại của người tham gia bảo hiểm xã hội; đề xuất việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Thành viên của Hội đồng Quản lý bao gồm đại diện có thẩm quyền của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam có Chủ tịch, một Phó Chủ tịch và các thành viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Bộ máy giúp việc Hội đồng Quản lý do Bảo hiểm xã hội Việt Nam bố trí.

Điều 6.- Bảo hiểm xã hội Việt Nam được tổ chức thành hệ thống dọc từ Trung ương đến địa phương, có cơ cấu như sau:

- Ở Trung ương là Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Bảo hiểm xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

Điều 7.- Bảo hiểm xã hội Việt Nam do Tổng Giám đốc trực tiếp quản lý và điều hành theo chế độ Thủ trưởng. Giúp việc Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo quy định tại Điều 3 Nghị định này, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, và theo các quyết định của Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Quy chế Tổ chức và hoạt động cụ thể của Bảo hiểm xã hội Việt Nam (bao gồm cả Quy chế Làm việc của Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam) do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam, và ý kiến thẩm định của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Điều 8.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VŨ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 20-CP ngày 1-3-1995 về tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện được nhiệm vụ của mình theo quy định tại Pháp lệnh Ngân hàng ngày 23 tháng 5 năm 1990, Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty Tài chính ngày 23 tháng 5 năm 1990, và nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định tại Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nay quy định bộ máy Ngân hàng Nhà nước như sau:

1. Các đơn vị giúp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện chức năng quản lý Nhà nước và Ngân hàng Trung ương của các Ngân hàng:

1. Vụ Nghiên cứu kinh tế,
2. Vụ Quan hệ quốc tế,
3. Vụ Quản lý ngoại hối,
4. Vụ Các định chế tài chính,
5. Vụ Quản lý các tổ chức tín dụng nhân dân,
6. Vụ Kế toán - Tài chính,
7. Vụ Tín dụng,
8. Sở Giao dịch,
9. Vụ Tổ chức cán bộ và đào tạo,
10. Vụ Phát hành - kho quỹ,
11. Vụ Tổng kiểm soát,
12. Vụ Thông tin kinh tế nghiệp vụ ngân hàng,
13. Văn phòng Thống đốc,
14. Vụ Pháp chế,
15. Thanh tra Ngân hàng,
16. Cục Quản trị,

09662175

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com